TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ H.**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Bản án số: 92/2019/HSST
Ngày 27/12/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – TP. H

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hữu T.**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Tạ Quang S.**

Bà **Nguyễn Thị N.**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị H,** thư ký tòa án nhân dân huyện Quốc Oai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên toà: Ông **Lưu Mạnh H -** Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố H, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 84/2019/HSST ngày 29 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1994;

HKTT và nơi ở: Thôn 5, xã P, huyện Q, thành phố H; Nghề nghiệp lao động tự do; Trình độ học vấn 6/12; Dân tộc Kinh; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo không; Con ông Nguyễn Văn Q; Con bà Phùng Thị Đ; Vợ Nguyễn Thị Phương L, (đã ly hôn); Con có 01 con sinh năm 2015;

Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 tiền sự.

Ngày 17/6/2017 UBND xã P, huyện Q Áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thời hạn 6 tháng do sử dụng chất ma túy tổng hợp. Đến ngày 17/12/2017 chấp hành xong;

Nhân thân: Ngày 25-9-2012 UBND thành phố Q ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục trong thời hạn 12 tháng, về hành vi Cố ý gây thương tích;

- Ngày 04-01-2011 Công an huyện Q ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị bắt truy nã ngày 18/12/2019 theo Lệnh truy nã số 01 ngày 29/11/2019 của Công an huyện Q và tạm giam theo Lệnh tạm giam số 51/2019/

HSST-QĐTG ngày 21/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Q. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn H, sinh năm 1997;

HKTT và nơi ở: Thôn 5, xã P, huyện Q, thành phố H; Nghề nghiệp lao động tự do; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc Kinh; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo không; Con ông Lê Văn S; Con bà Kiều Thị T; Vợ Trần Thị T; Con có 01 con sinh năm 2017;

Tiền án: Bản án số 55/2017/HSST ngày 08/9/2017 TAND huyện Q, thành phố H xử phạt 04 tháng tù về tội Đánh bạc (tổng số tiền tham gia đánh bạc trên 5 triệu đồng). Ngày 28/02/2018 chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích);

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 21-6-2017 Công an huyện Q xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, nộp phạt ngày 08-8-2017.

Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Ngô Văn H, sinh năm 1977;

HKTT và nơi ở: Thôn 5, xã P, huyện Q, thành phố H; Nghề nghiệp lao động tự do; Trình độ học vấn 11/12; Dân tộc Kinh; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo không; Con ông Ngô Văn B; Con bà Hoàng Thị N; Vợ, con chưa có;

Tiền án: có 01 Tiền án:

Bản án số 18/2016/HSST ngày 03/6/2016 TAND huyện Q xử phạt 42 tháng tù về tội Cướp tài sản. Ngày 03/8/2018 được tha tù trước thời hạn, chưa được xóa án tích;

Tiền sự: Không;

Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Hoàng Thế A, sinh năm 1996;

HKTT và nơi ở: Thôn 5, xã P, huyện Q, thành phố H; Nghề nghiệp lao động tự do; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc Kinh; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo không; Con ông Hoàng Văn C; Con bà Nguyễn Thị X; Vợ, con chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Hoàng Văn T, sinh năm 1991;

HKTT và nơi ở: Thôn C, xã T, huyện Q, thành phố H; Nghề nghiệp lao động tự do; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc Kinh; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo không; Con ông Hoàng Văn T; Con bà Nguyễn Thị H; Vợ, con chưa có;

Tiền án, tiền sự; Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/11/2019 theo Quyết định bắt tạm giam số 07/2019/HSST-QĐBTG ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Q, do khi giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử bị cáo không có mặt ở địa phương, có mặt tại phiên tòa.

6. Hoàng Văn Đ, sinh năm 2000;

HKTT và nơi ở: Thôn 7, xã P, huyện Q, thành phố H; Nghề nghiệp lao động tự do; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc Kinh; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo không; Con ông Hoàng Văn D; Con bà Ngô Thị N; Vợ, con chưa có;

Tiền án, tiền sự; Không;

Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan tới vụ án:

1- Ông **Trịnh Đình T**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Xã T, huyện Q, thành phố H, vắng mặt.

2- Chị: **Trần Thị N**, sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn H, xã H, huyện Q, thành phố H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 18/02/2019, Nguyễn Văn C gọi điện cho Trần Thị N hỏi để cầm cố xe máy. N đồng ý nhưng do không có nhà nên dặn C khi nào đến nhà chị thì gặp Phùng Mạnh H (là anh họ N) để thực hiện giao dịch. Sau đó N gọi điện thoại cho H nhờ đến nhà trọ của N ở thôn 7, xã P, huyện Q trông nhà hộ và khi nào C đến thì H ứng hộ N tiền để cầm cố cho C chiếc xe máy với số tiền là 4.000.000 đồng. Khoảng 22h ngày 18/02/2019, C nhờ bạn là Ngô Văn H chở đến nhà trọ của chị N. C gọi cửa thì được H ra mở cửa cho vào nhà và xuống phòng ở tầng hầm. Tại đây C thấy H và H Thế A, Hoàng Văn Đ, Lê Văn H, Hoàng Văn T đang ngồi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng. C vào và cùng tham gia chơi đánh bạc. Khi đánh bạc Chiến có 1.000.000 đồng dùng, sử dụng đánh bạc cùng mọi người; Còn H, Hoàng Văn T và Phạm Thị Ý D (là bạn gái của T) ngồi xem. Cả nhóm đánh liêng được một lúc thì chuyển sang đánh bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa. T dùng kéo cắt 04 quân vị từ vỏ bao thuốc lá, bát và đĩa lấy tại nhà chị N. Ban đầu T xóc cái cho H, Thế A, Đ, H, C cùng tham gia đánh bạc, T xóc cái được một lúc thì chuyển cho Thế A xóc cái.

Hình thức chơi như sau: người xóc cái dùng 01 bát úp lên 01 đĩa bên trong có đựng 04 quân vị (được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba, có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng) xóc đi, xóc lại nhiều lần rồi đặt lên chiếu bạc. Người chơi đánh bạc cầm tiền đặt cược xuống chiếu vào cửa chẵn hoặc lẻ. Cửa chẵn quy định bên tay phải, cửa lẻ quy định bên tay trái người xóc cái; Sau khi người chơi đặt

tiền xong thì người xóc cái mở bát, tỷ lệ thắng thua là 1/1. Hoàng Văn T vay được T 500.000 đồng và sử dụng số tiền này vào việc đánh bạc. Khi chơi khoảng 15 phút thì C thua hết tiền đã hỏi mượn Ngô Văn H chiếc xe máy của H để cầm cố lấy tiền đánh bạc. H đồng ý. C đã gọi điện thoại cho N để cầm cố xe máy và chuyển điện thoại cho H để N nói chuyện. Sau khi nói chuyện điện thoại xong thì H đã đưa cho C số tiền là 4.000.000 đồng thì C đưa lại cho H 300.000 đồng trả tiền lãi cho chị N và C sử dụng 3.700.000 đồng để tham gia đánh bạc. Lúc này Thế A xóc cái và thua hết tiền nên C xóc cái cho mọi người đánh bạc. Quá trình xóc cái C bị thua hết tiền nên tiếp tục bảo H cho mượn chiếc điện thoại OPPO để cầm cố lấy tiền đánh bạc. H đồng ý và đưa điện thoại cho C. C cầm điện thoại cầm cố cho T lấy số tiền là 3.000.000 đồng nhưng T chỉ đưa 1.500.000 đồng cho C vì trong quá trình chơi bạc C có nợ lại Thuấn 1.5000.000 đồng. C tiếp tục sử dụng số tiền 1.5000.000 đồng đánh bạc. Đến khoảng 01 giờ ngày 19/02/2019 thì C thua hết tiền nên tất cả nghỉ không chơi nữa. Khi từ tầng hầm lên thì C đưa chìa khóa xe máy của H đã cầm cố cho H và để lại xe máy ở đó rồi cùng H đi về nhà C. C bảo với H hôm sau sẽ mang tiền chuộc xe và điện thoại về trả cho H nhưng đến ngày hôm sau không thấy C chuộc xe và điện thoại trả nên H đã làm đơn trình báo đến Công an huyện Q.

Vật chứng thu giữ: 01 xe máy Wave, BKS: 33L…-24…., do chị Trần Thị N tự nguyện giao nộp; Tiền Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam 1.200.000 đồng, do Hoàng Văn T tự nguyện giao nộp.

Cáo trạng số 80/CT-VKSQO ngày 25/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C, Hoàng Thế A, Hoàng Văn T, Lê Văn H, Hoàng Văn Đ và Ngô Văn H về tội "Đánh bạc". Theo quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Sau khi đưa vụ án ra xét xử, Nguyễn Văn C và Hoàng Văn T đã đi khỏi địa phương không báo cáo chính quyền, Tòa án nhân dân huyện Q đã ra lện bắt tạm giam bị cáo Tiệp; Còn bị cáo C bỏ trốn phải ra lệnh truy nã. Ngày 18/12/2019, Công an huyện Q đã ra lệnh bắt được bị cáo C.

Tại phiên tòa Đại diện VKS giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm S khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 8 đến 10 tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo 18/12/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm S khoản 1 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 9 đến 12 tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm S khoản 1 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Ngô Văn H từ 7 đến 9 tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65; Điều 328 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 8 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng. Trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ từ 9 đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hoàng Thế A từ 20 đến 30 triệu đồng.

Không phạt tiền bổ sung các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: 01 xe máy Wave, BKS: 33L…-24…., do chị Trần Thị N tự nguyện giao nộp cơ quan Điều tra cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trịnh Đình T; Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1.200.000 đồng do Hoàng Văn T đánh bạc mà có tự nguyện giao nộp được sung vào Ngân sách nhà nước.

Về trách nhiện dân sự: Tại phiên tòa bị cáo H đề nghị tự giải quyết chiếc điện thoại OPPO cho bị cáo C mượn để cầm cố cho T không yêu cầu Tòa giải quyết; Quá trình Điều tra chị N đề nghị tự giải quyết số tiền 3.700.000 đồng cho bị cáo C cầm cố chiếc xe máy Wave.

Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Nguyễn Văn C khai nhận do hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ bị cáo mới ly hôn nên bị cáo lên tỉnh T làm ăn để lấy tiền nuôi con nhưng không báo cáo chính quyền địa phương; Số tiền bị cáo cầm cố cho chị N là 3.700.000 đồng bị cáo có trách nhiệm trả lại cho chị N. Bị cáo Hoàng Văn T khai nhận do hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo rất khó khăn; Bị cáo đi làm ăn cách chỗ ở vài cây số để giúp đỡ gia đình nghĩ đơn giản thường xuyên về nhà nên không báo cáo chính quyền địa phương. Đến khi Tòa giao giấy triệu tập đến phiên Tòa, bị cáo không có mặt ở nhà, đến hôm sau bị cáo nhận được điện thoại của gia đình thông báo Tòa có giấy triệu tập thì bị cáo về thì bị bắt. Bị cáo không có ý thức bỏ trốn mà chỉ đi là ăn giúp đỡ gia đình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho bị cáo được cải tạo tại địa phương. Đối với chiếc điện thoại OPPO bị cáo Ngô Văn H xin tự giải quyết với C vì H và C là bạn thân không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và người tiến hành tố tụng khác trong vụ án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2]. *Về tội danh:* Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người làm chứng, vật chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ kết luận: Khoảng từ 22 giờ ngày 18/02/2019 đến 01 giờ ngày 19/02/2019, tại nhà trọ của Trần Thị N, ở thôn 7, xã P, huyện Q, Nguyễn Văn C, Phùng Mạnh H, Hoàng Thế A, Hoàng Văn T, Lê Văn H, Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn T tham gia đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng và đánh xóc đĩa, trong đó: C sử dụng 6.200.000 đồng đánh bạc, Phùng Mạnh H sử dụng 1.100.000 đánh bạc, Thế A sử dụng 550.000 đồng đánh bạc, T sử dụng 500.000 đồng đánh bạc, H sử dụng 400.000 đồng đánh bạc, Đ sử dụng 300.000 đồng đánh bạc. Đối với Ngô Văn H có hành vi biết Nguyễn Văn C đánh bạc tại nhà chị N nhưng vẫn giúp sức cho C mượn xe máy và điện thoại để C cầm cố được số tiền 6.200.000 đồng để đánh bạc, nên H phạm tội Đánh bạc với vai trò đồng phạm giúp sức. Quá trình điều tra vụ án đã xác định số tiền của các đối tượng dùng để đánh bạc là **9.050.000 đồng** (**chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng**). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố các bị cáo phạm tội "*Đánh bạc"* theo Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

[3]. *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội :*

Hành vi phạm tội đánh bạc của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp đã xâm phạm đến trật tự xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa phương cần phải xử nghiêm để giáo dục, răn đe, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

4]. *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ*:

Các bị cáo Nguyễn Văn C, Lê Huy H, Ngô Văn H đều có nhân thân xấu: Bị cáo Nguyễn Văn C có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị giáo dục tại xã phường 6 tháng; Nhân thân hai lần cố ý gây thương tích đều bị xử phạt hành chính lại tiếp tục tham gia đánh bạc với số lượng tiền cao nhất 6.200.000 đồng; Sau khi phạm tội bị cáo còn có hành vi bỏ trốn bị cơ quan Điều tra truy nã, phải chịu mức hình phạt cao nhất; Bị cáo Lê Huy H có một tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích; Nhân thân một lần đánh bạc bị xử lý hành chính nay lại tiếp tục phạm tội đánh bạc thuộc trường hợp tái phạm; Bị cáo Ngô Văn H có 01 tiền án về tội cướp tài sản chưa được xóa án tích tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng cho bị cáo C mượn xe, máy và điện thoại cầm cố lấy tiền đánh bạc.

Cả ba bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Thế A, Hoàng Văn Đ ngoài tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo như ba bị cáo trên còn tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo T có tình tiết giảm nhẹ là tự nguyện nộp số tiền do đánh bạc mà có theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội; Căn cứ vào nhân thân, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo Nguyễn Văn C, Lê Huy H, Ngô Văn H ra khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích và phòng ngừa chung; Các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Thế A, Hoàng Văn Đ đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội đều thành khẩn khai báo; Nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly ra khỏi xã hội mà cho cải tạo tại địa phương hoặc hình phạt khác cũng đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân tốt. Riêng bị cáo Hoàng Văn T có thêm tình tiết giảm nhẹ.

[5]. *Về hình phạt bổ sung*: Xét điều kiện, hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo và gia đình không có khả năng thi hành hình phạt tiền bổ sung nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. *Về xử lý vật chứng*: 01 xe máy Wave, BKS: 33L…-24…, do chị Trần Thị N tự nguyện giao nộp cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trịnh Đình T; Số tiền 1.200.000 đồng, do Hoàng Văn T tự nguyện giao nộp cần tịch thu vào Ngân sách nhà nước.

Đối với Hoàng Văn T sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn. Ngày 01/9/2019, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã số đối với T. Ngày 06/10/2019 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án khi nào bắt được thì xử lý sau là phù hợp với pháp luật.

Đối với Phùng Mạnh H tối ngày 18/02/2019 có dùng, sử dụng số tiền 1.100.000 đồng để đánh bạc. Quá trình điều tra xác định H đang là quân nhân đang công tác tại C26, E1…, F3…, Quân đoàn .., Bộ quốc phòng là quân nhân tại ngũ người trong quân đội. Ngày 01/10/2019 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án, hành vi vi phạm của đối tượng Phùng Mạnh H chuyển Cơ quan điều tra trong quân đội để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền là đúng quy định pháp luật.

Đối với Trần Thị N có nhờ Phùng Mạnh H đứng ra nhận cầm cố xe cho Nguyễn Văn C, nhưng không biết các đối tượng đánh bạc tại phòng trọ của mình, không biết C cầm cố xe máy để lấy tiền sử dụng đánh bạc. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hình sự đối với N và ngày 04/10/2019 Công an huyện Q quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với N là có căn cứ.

Đối với số tiền bị cáo C cầm cố cho chị N là 3.700.000 đồng, quá trình điều tra chị N và bị cáo tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết là phù hợp nghĩ nên chấp nhận; Chiếc điện thoại OPPO bị cáo H và bị cáo C xin tự giải quyết là phù hợp nghĩ nên chấp sự tự nguyện đó.

[7]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn C, Lê Văn H, Ngô Văn H, Hoàng Văn T, Hoàng Văn Đ, Hoàng Thế A phạm tội đánh bạc.**

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 8 (tám) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt 18/12/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 8 (tám) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Ngô Văn H 7 (bảy) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1,2 Điều 51; Điều 65; Điều 328 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Hoàng Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, thành phố H quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể ra Quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 9 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND xã P, huyện Q nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Hoàng Văn Đ cho ngày UBND xã P, huyện Q giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Thế A 20 (Hai mươi) triệu đồng.

Không phạt tiền bổ sung các bị cáo.

- **Xử lý vật chứng**: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại ông Trịnh Đình T xe máy Wave, BKS: 33L…-24….; Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng, do Hoàng Văn T tự nguyện giao nộp (*theo biên bản giao nhận vật chứng*

số 10/2020/THA ngày 08/11/2019 và ủy nhiệm chi ngày 05/11/2019 giữa Công an huyện Q và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q).

- **Về trách nhiệm dân sự**: Chấp nhận sự tự nguyện tự giải quyết số tiền 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng) là tiền cầm cố chiếc xe máy giữa chị Trần Thị N và bị cáo Nguyễn Văn C; Chấp nhận sự tự nguyện tự giải quyết chiếc điện thoại OPPO bị cáo C đã cầm cố cho chị N giữa bị cáo Nguyễn Văn C và bị cáo Ngô Văn H.

- **Án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự: Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí toà án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu T

Nơi nhận:
- *TAND TP H;*
- *VKSND huyện Q ;*
- *Chi cục THADS huyện Q.*
- *Công an huyện Q;*
- *UBND xã P(Thay TBKQXX);*
- *Thi hành án hình sự;*
- *Các bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ; VP. Tòa án.*